TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **275**/2026/QĐST-HNGĐ	*Đà Nẵng, ngày 30 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG

Căn cứ Điều 212, 213 và 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83, 110, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 535/2026/TLST-HNGĐ ngày 15/7/2026 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1992, CCCD số: …; Nơi cư trú: X, tổ G, phường H, thành phố Đà Nẵng và bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1996, CCCD số: …; Nơi cư trú: Đường T, phường H, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Tuyết M yêu cầu Toà án giải quyết cho ông bà được thuận tình ly hôn. Xét sự thuận tình ly hôn của các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận là có cơ sở, phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Các bên đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con; sự thỏa thuận của các đương sự đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ, con.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Tuyết M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[4] Lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Tuyết M cùng chịu 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Tuyết M thuận tình ly hôn.

Về con chung: Ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Tuyết M xác định có 01 (*một*) con chung tên là Nguyễn Khánh L, sinh ngày 05/11/2020. Ly hôn, ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Tuyết M thỏa thuận giao con chung cho bà Nguyễn Thị Tuyết M trực tiếp nuôi dưỡng, ông Nguyễn Văn S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*). Thời gian cấp dưỡng vào ngày 07 hàng tháng và bắt đầu từ tháng 8 năm 2026 cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên (18 tuổi).

Đến hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ đối với con chung các đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Tuyết M xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Lệ phí Tòa án: 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Tuyết M cùng chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Tuyết M đã nộp theo biên lai thu số 0000631 ngày 15/7/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Tuyết M đã nộp đủ lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 36, 72 của Luật Thi hành án dân sự năm 2025. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự năm 2025./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 4 – Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 4 – Đà Nẵng;
- UBND phường Hải Vân
(Số ĐKKH: 60 ngày 04/6/2020
tại UBND phường Hòa Hiệp Nam cũ);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phạm Anh Tuấn